

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK ĐOA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04/6/2020

Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA – TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Minh Chính**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Do**.

2. Ông **Lưu Thông**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Hiền Bằng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bưởi** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Chị Nguyễn Thị S đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đình H**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: thôn M, xã N, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn Đình H đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình H kết hôn ngày 07/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Yang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai trên tinh thần tự nguyện và được hai bên gia đình chấp thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn 1, xã Nam Yang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai và sinh được 02 con gồm: Nguyễn Đình V, sinh ngày 18/4/2004

và Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 18/3/2012. Trong quá trình chung sống được thời gian thì đến tháng 8/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Đình H bạo lực đánh đập chị nhiều lần, hăm dọa đòi giết chị vì vậy để bảo toàn tính mạng, sức khỏe nên chị đã bỏ con nhỏ về nhà bố mẹ ruột tại thôn Phước Định, xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam ở tạm. Trong thời gian ở tạm với bố mẹ ruột để xem xét anh H có thay đổi tính tình hay không nhưng vẫn không thay đổi nên chị không thể tiếp tục về chung sống với anh H nữa nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã gần 5 năm. Nay chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị S và anh H có 02 (Hai) con là Nguyễn Đình V, sinh ngày 18/4/2004 và Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 18/3/2012. Nguyên vọng của chị S cũng như theo ý kiến của các con thì chị S yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 18/3/2012; còn cháu Nguyễn Đình V hiện đang ở với anh H nên theo nguyên vọng của con nên chị S chấp nhận để anh H nuôi cháu V, chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/5/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/5/2020, bị đơn anh Nguyễn Đình H trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị S kết hôn ngày 07/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Yang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai và sinh được 02 con là Nguyễn Đình V, sinh ngày 18/4/2004 và Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 18/3/2012. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị S lúc đầu sống hạnh phúc, đến tháng 12/2012 anh bị tai nạn giao thông phải nằm viện trong thời gian gần 05 tháng. Trong khoảng thời gian đó chị S không quan tâm gì đến hạnh phúc gia đình, chị S đã mang con nhỏ về nhà cha mẹ ruột của chị S ở xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam sinh sống, chị S bỏ mặc gia đình, không quan tâm gì đến cuộc sống vợ chồng, tính đến nay vợ chồng đã sống ly thân đã gần 7 năm; trong khoảng thời gian này anh vẫn có trách nhiệm quan tâm, gọi điện thoại và gửi tiền về quê hỗ trợ phần nào lo cho con ăn học. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm và có nguyện vọng mong muốn để chị Sang quay về cùng chăm sóc con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình, anh không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S. Hiện nay con chung là cháu V đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị S đang nuôi cháu K. Do anh không đồng ý ly hôn với chị S nên vấn đề về con cái và tài sản anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sang và cho chị S được ly hôn với anh H. Về con chung đề nghị giao cháu V cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu K cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa giải quyết vấn đề ly hôn và con chung với anh H nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã Nam Yang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị S và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị S và anh H theo thủ tục chung.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh H kết hôn ngày 07/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Yang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều xác định hiện nay đã sống ly thân trong thời gian từ ngày 25/8/2016 cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau. Anh Hạnh không đồng ý ly hôn với chị Sang nhưng giữa anh Hạnh và chị Sang không có thỏa thuận về chỗ ở hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công việc, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác, cũng như lựa chọn về nơi cư trú của vợ, chồng quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật Hôn nhân và gia đình. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận giữa chị S và anh H đã sống ly thân kể từ tháng 8/2016 cho đến nay, các đương sự chỉ biết bốn phần của người đó, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Tòa án đã triệu tập anh H tham gia tố tụng để trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình mong muốn hàn gắn đời sống vợ chồng nhưng anh H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh mình không có những vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh H không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sang, cho chị S được ly hôn với anh H.

[4] Xét về con chung: Chị S và anh H xác định có 02 con chung gồm Nguyễn Đình V, sinh ngày 18/4/2004 và Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 18/3/2012. Hiện cháu V đang sống với anh H còn cháu K đang sống với chị S. Xét chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, còn cháu V giao cho anh H nuôi

dưỡng là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên. Xét về điều kiện hoàn cảnh của các đương sự, để ổn định môi trường sống và học tập tốt của các cháu V và K, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết để cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng cháu K; giao cháu V cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét việc chị S và anh H chưa ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của các đương sự và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 18/4/2004 (theo nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên) cho anh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Giao cháu Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 18/3/2012 (theo nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên) cho chị S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Các đương sự được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005093 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đoa;
- Chi cục THADS huyện Đak Đoa;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Yang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đào Minh Chính